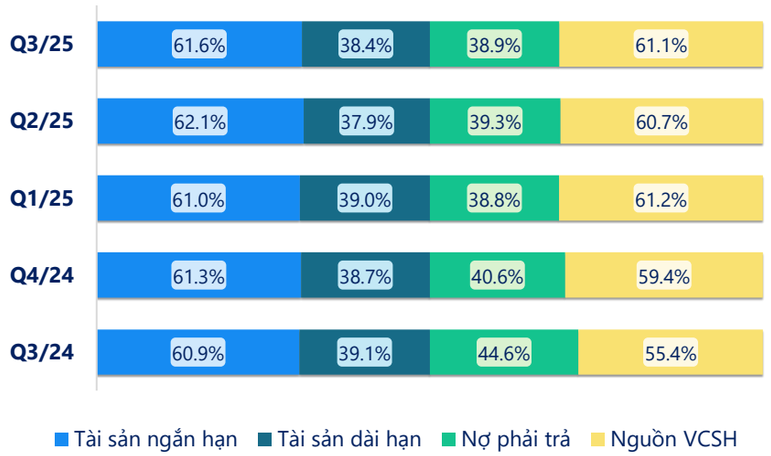
FireAnt

CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,000
SL cổ phiếu LH	70,669,620
KLGD BQ 20 phiên (CP)	438,191
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	551
P/E	26.1
EPS	299

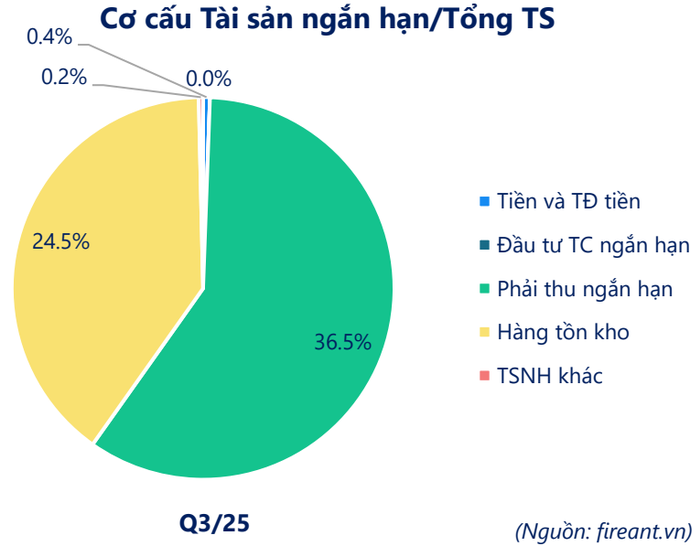
	YTD	1T	3T	6T
FIR	42.5%	-12.0%	-5.5%	6.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



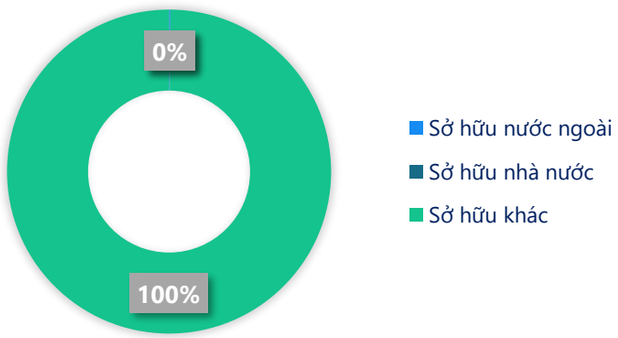
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



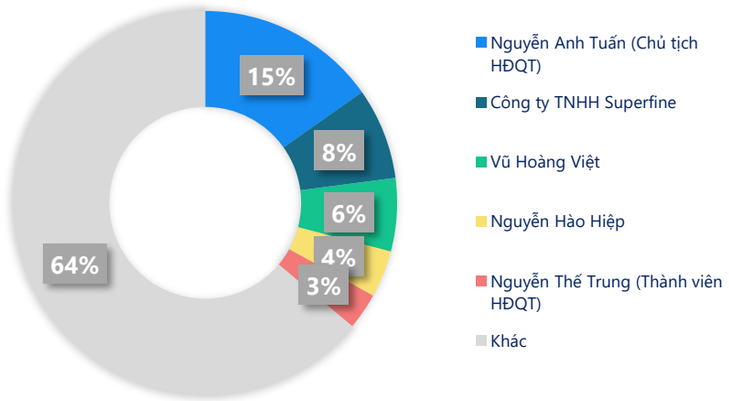
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



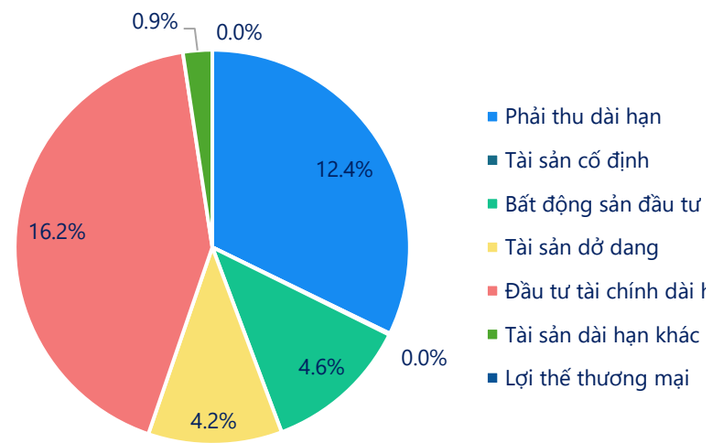
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

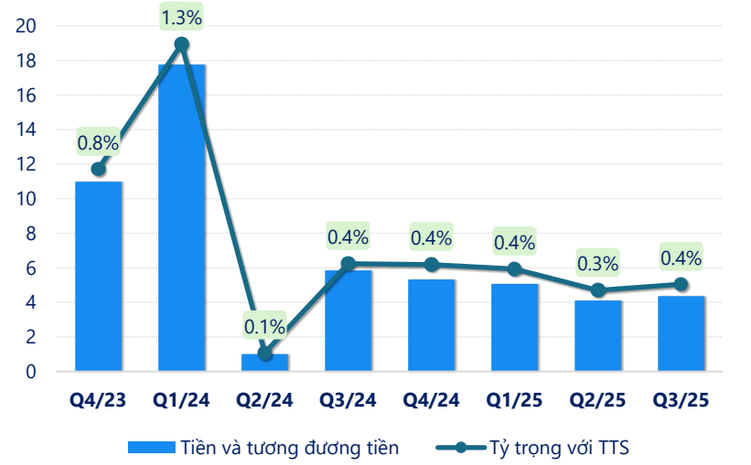


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

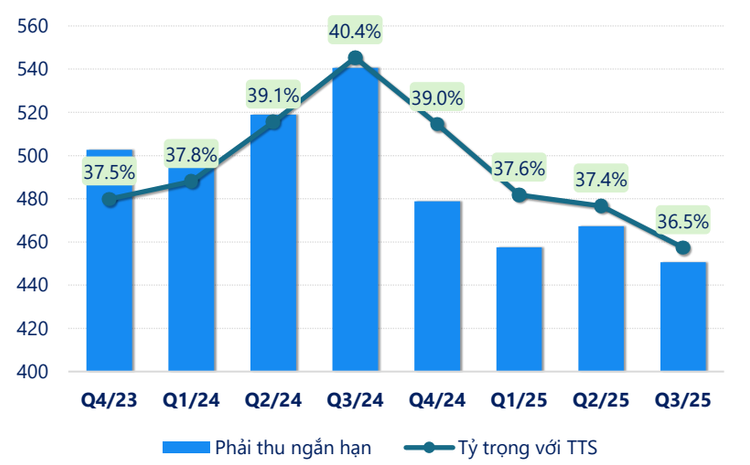
CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

Tiền và tương đương tiền



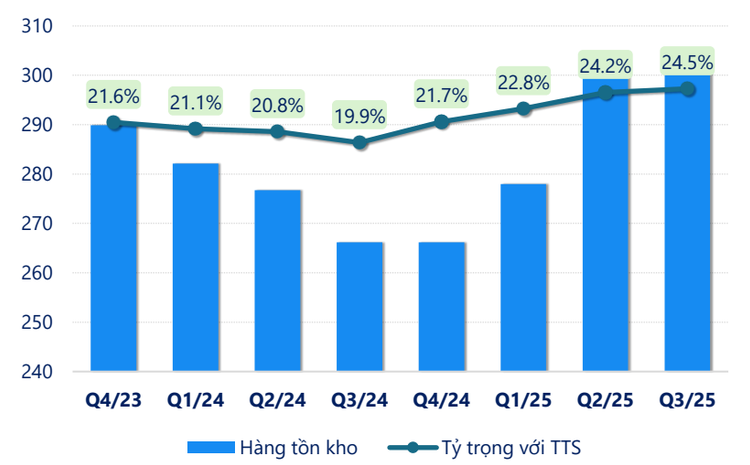
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



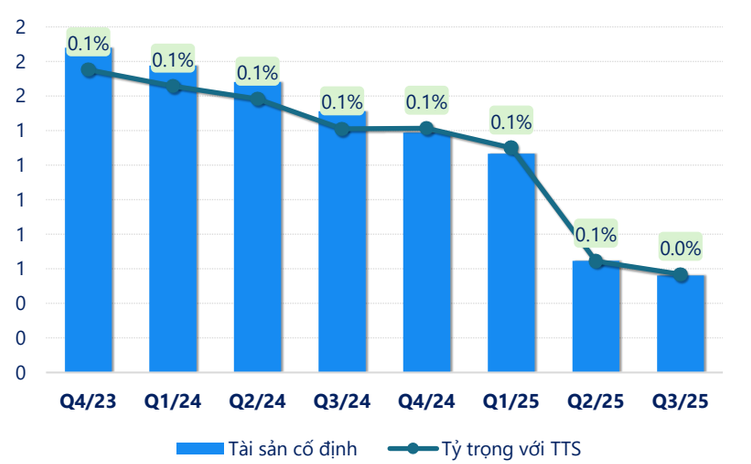
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



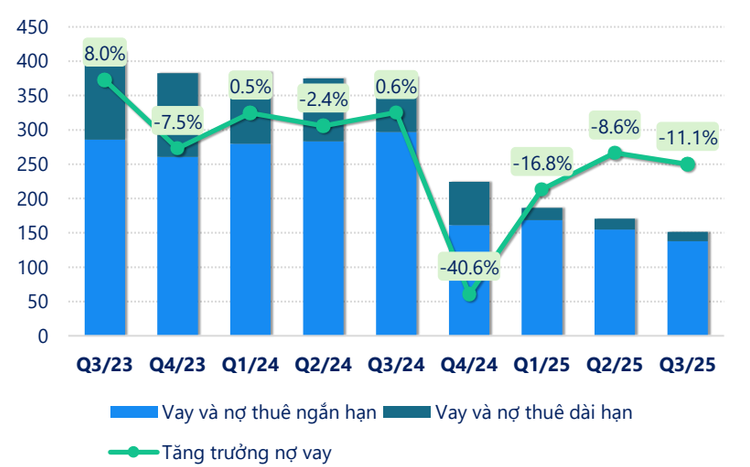
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



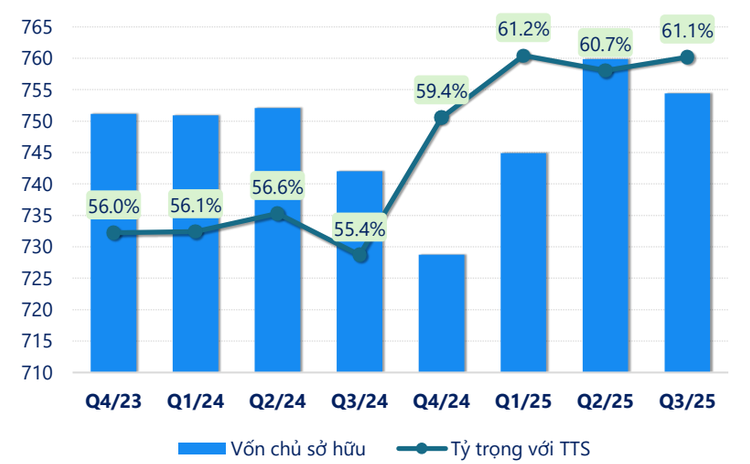
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

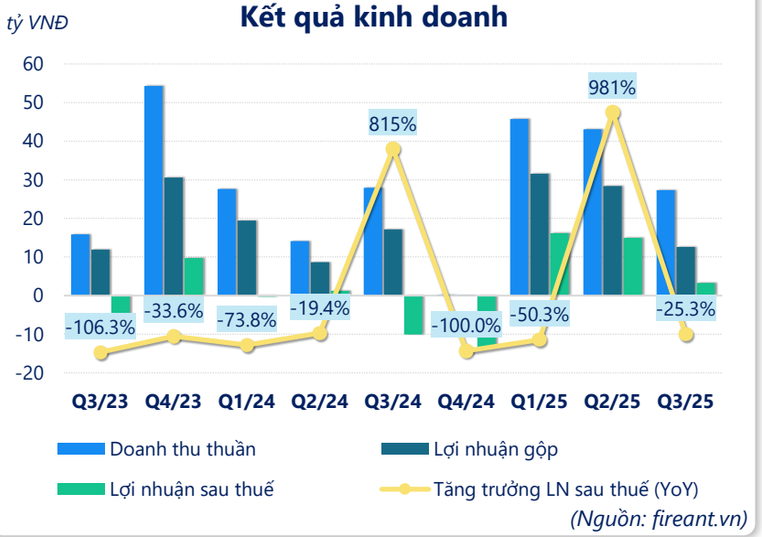
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

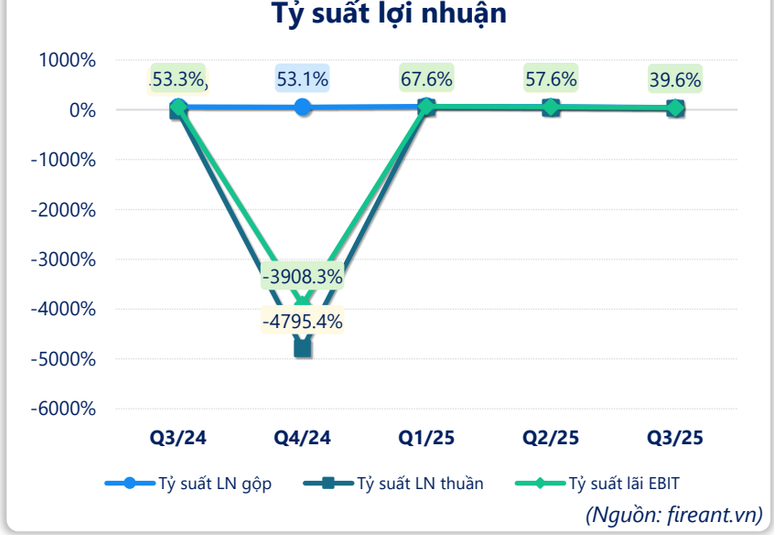
CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

Kết quả kinh doanh



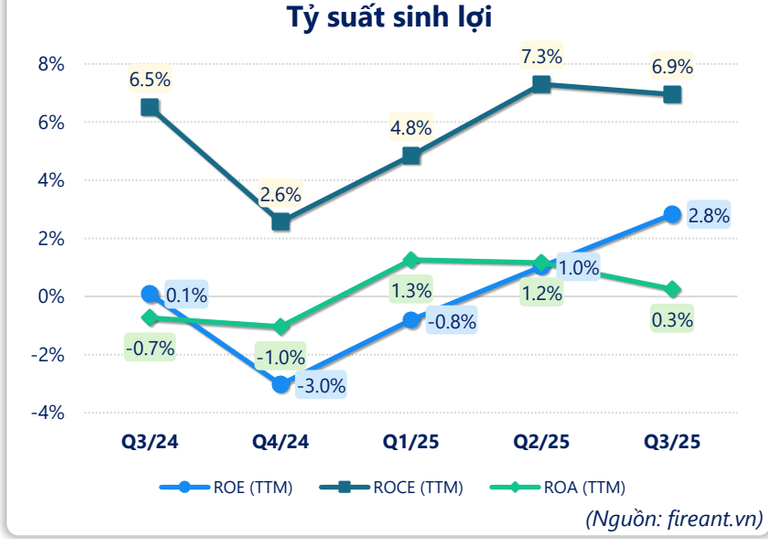
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



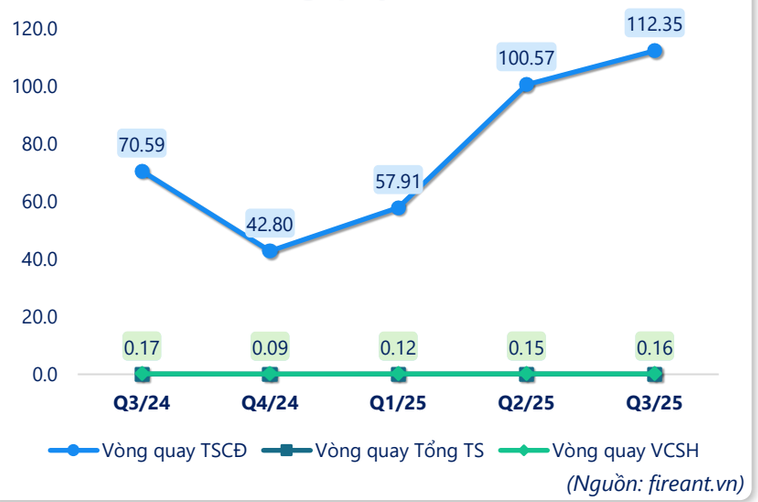
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



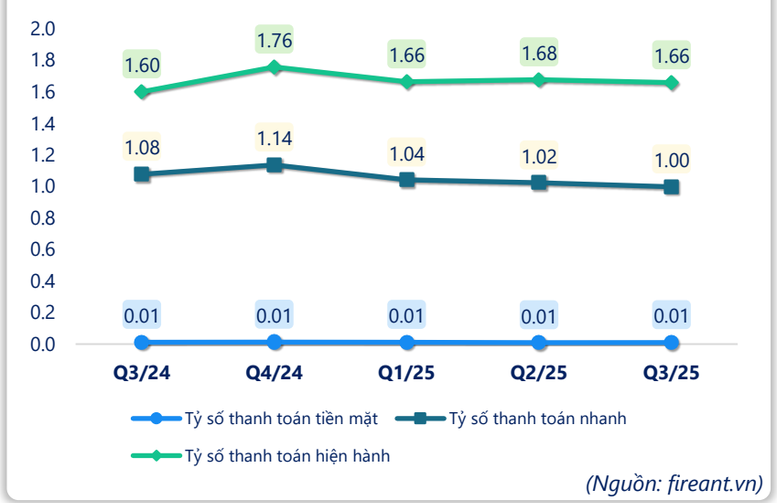
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



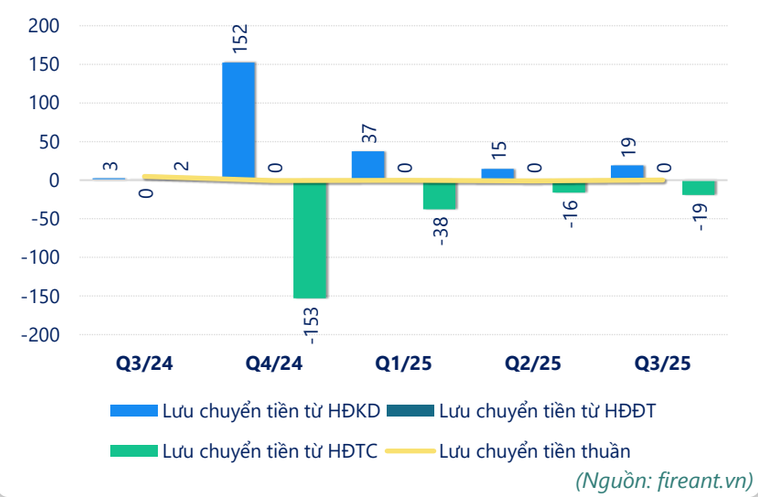
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,234**	**1,227**	**0.5%**
Tài sản ngắn hạn	761	753	1.0%
Tiền và tương đương tiền	4.36	5.32	-18.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	451	479	-5.9%
Hàng tồn kho	303	266	13.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.79	2.73	2.2%
Tài sản dài hạn	**473**	**474**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	152	152	0.0%
Tài sản cố định	0.56	1.39	-59.6%
Bất động sản đầu tư	56.7	57.0	-0.6%
Tài sản dở dang	51.9	51.6	0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	201	200	0.2%
Tài sản dài hạn khác	**11.3**	**12.0**	**-5.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	480	499	-3.8%
Nợ ngắn hạn	**459**	**428**	**7.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	138	161	-14.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.55	1.19	701%
Nợ dài hạn	20.7	70.2	-70.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	13.8	62.8	-78.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**754**	**729**	**3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**754**	**729**	**3.5%**
Vốn điều lệ	707	642	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	27.9	0.28	45.8	43.1	27.3
Giá vốn hàng bán	10.7	0.13	14.2	14.8	14.7
Lợi nhuận gộp	17.1	0.15	31.6	28.3	12.6
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00	0.05	0.00	0.11
Chi phí TC	21.2	2.46	14.0	6.11	4.92
Chi phí lãi vay	21.2	2.46	14.0	6.11	4.92
LN trong công ty LKLD	0.54	0	0.48	0	0
Chi phí bán hàng	0.01	0.37	0.18	0.03	0.55
Chi phí QLDN	2.82	10.6	-3.24	3.53	-1.47
LN thuần từ HĐKD	-6.38	-13.3	21.2	18.7	8.70
Lợi nhuận khác	0.00	-0.01	-4.21	0.05	-2.82
LN trước thuế	-6.38	-13.3	17.0	18.7	5.88
Lợi nhuận sau thuế	-10.1	-13.3	16.1	15.0	3.30
LNST của CĐ cty mẹ	-10.1	-13.3	16.1	15.0	3.30

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.63	152	37.4	14.7	19.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.07	0.15	0.03	0.36	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.28	-153	-37.7	-16.0	-19.0
Tiền đầu kỳ	1.01	5.86	5.32	5.06	4.11
Lưu chuyển tiền thuần	**4.85**	**-0.53**	**-0.26**	**-0.96**	**0.25**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.86	5.32	5.06	4.11	4.36

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic